

PHÒNG GD&ĐT VỤ BẢN
TRƯỜNG THCS XÃ MINH THUẬN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 22 /QĐ-THCS

Minh Thuận, ngày 10 tháng 04 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách quý I/2021

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS XÃ MINH THUẬN

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/Tt-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ vào quyết toán chi ngân sách nhà nước quý I/2021 của Trường THCS xã Minh Thuận

Xét đề nghị của bộ phận kế toán,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách sự nghiệp giáo dục quý I năm 2021.

(Kèm theo biểu mẫu công khai đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận kế toán đơn vị và các bộ phận có liên quan thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận;

- Phòng GD -ĐT
- Lưu : VT, KT

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Muôn Văn Đạt

**ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH
QU Ý I NĂM 2021**

(Kèm theo Quyết định số 22 /QĐ-THCS ngày 10/04/2021
của Trường THCS xã Minh Thuận)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/năm	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
1	Số thu phí, lệ phí				
1.1	Lệ phí				
1.2	Phí				
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
2.1	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2.2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN				
3.1	Lệ phí				
3.2	Phí				

II	Dự toán chỉ ngân sách nhà nước	3.326.698.000	787.939.900	23.7%	89.7%
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Nghiên cứu khoa học				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	3.326.698.000	787.939.900	23.7%	89.7%
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	3.292.998.000	787.939.900	23.9%	89.7%
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	33.700.000	0	0	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				

